

**CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC PND VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC PND VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM PND WATER TREATMENT EQUIPMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107483913

**3. Ngày thành lập:** 24/06/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 186B, phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành                                                     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4663                                                         |
| 2.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4690                                                         |
| 3.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                            | 4752                                                         |
| 4.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3600                                                         |
| 5.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3700                                                         |
| 6.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4321                                                         |
| 7.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4322                                                         |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng | 4329                                                         |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>chi tiết: Đại lý, môi giới,                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610                                                         |
| 10. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4649                                                         |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4659(Chính)                                                  |
| 12. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8230                                                         |
| 13. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                     | 8299                                                         |
| 14. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                                  | 6619                                                         |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7020                                                         |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7310                                                         |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7320                                                         |
| 18. | ( Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).                                                                                                                                                                                           | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nữ*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142575004

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đồng Tháp, Phường Ái Quốc, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đồng Tháp, Phường Ái Quốc, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

© 2006 The Authors  
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 10/10/1994

Sinh ngày: 10/10/1994      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 142575004

Nơi cấp: Công an tỉnh Hải Dương

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đồng Tháp, Phường Ái Quốc, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đồng Tháp, Phường Ái Quốc, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội